

Số: /2026/NĐ-CP

Hà Nội, ngày tháng năm 2026

DỰ THẢO

NGHỊ ĐỊNH

Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 06/2022/NĐ-CP ngày 07 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định giảm nhẹ phát thải khí nhà kính và bảo vệ tầng ô-dôn, được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 119/2025/NĐ-CP, Nghị định số 83/2026/NĐ-CP và Nghị định số 112/2026/NĐ-CP

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ số 63/2025/QH15;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 được sửa đổi, bổ sung một số điều bởi Luật số 11/2022/QH15, Luật số 16/2023/QH15, Luật số 18/2023/QH15, Luật số 47/2024/QH15, Luật số 54/2024/QH15 và Luật số 146/2025/QH15;

Căn cứ Nghị quyết số 17/2026/NQ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2026 của Chính phủ về cắt giảm, phân cấp, đơn giản hóa thủ tục hành chính và cắt giảm, đơn giản hoá điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Chính phủ ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 06/2022/NĐ-CP ngày 07 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định giảm nhẹ phát thải khí nhà kính và bảo vệ tầng ô-dôn, được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 119/2025/NĐ-CP, Nghị định số 83/2026/NĐ-CP và Nghị định số 112/2026/NĐ-CP.

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 18

“2. Đăng ký tài khoản trên Hệ thống đăng ký quốc gia

a) Đối với cơ sở được phân bổ hạn ngạch phát thải khí nhà kính, tổ chức tham gia dự án được đăng ký theo các cơ chế tại điểm a và điểm b khoản 1 Điều 20a Nghị định này được Bộ Nông nghiệp và Môi trường cấp tài khoản trên Hệ thống đăng ký quốc gia và gửi thông tin cho cơ sở, tổ chức;

b) Đối với tổ chức tham gia dự án được đăng ký theo cơ chế tại Điều 20 Nghị định này được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh cấp tài khoản trên Hệ thống đăng ký quốc gia và gửi thông tin cho tổ chức;

c) Đối với tổ chức tham gia chương trình, dự án đăng ký theo cơ chế tại điểm c khoản 1 Điều 20a Nghị định này, tổ chức gửi hồ sơ đăng ký tài khoản tới Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh theo một trong các hình thức: trực tiếp, trực tuyến hoặc qua dịch vụ bưu chính. Hồ sơ đăng ký bao gồm:

Đơn đề nghị đăng ký theo Mẫu số 01 Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định này;

Tài liệu chương trình, dự án được đăng ký theo quy định của các cơ chế;

Phương thức liên lạc của chương trình, dự án được đăng ký theo quy định của các cơ chế.

Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đăng ký, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh cấp tài khoản trên Hệ thống đăng ký quốc gia và gửi thông tin cho tổ chức; trường hợp từ chối cấp tài khoản phải nêu rõ lý do.”.

Điều 2. Sửa đổi, bổ sung một số khoản của Điều 20

1. Sửa đổi, bổ sung khoản 6 như sau:

“6. Đăng ký dự án theo cơ chế trao đổi, bù trừ tín chỉ các-bon trong nước

a) Cơ quan, tổ chức có đề nghị đăng ký dự án lựa chọn phương pháp tạo tín chỉ các-bon quy định tại khoản 4 Điều này và gửi hồ sơ đăng ký dự án tới Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trong trường hợp dự án đăng ký trên địa bàn 01 đơn vị hành chính cấp tỉnh hoặc tới Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh của một trong các khu vực thực hiện dự án trong trường hợp dự án đăng ký trên địa bàn 02 đơn vị hành chính cấp tỉnh trở lên theo một trong các hình thức: trực tiếp, trực tuyến hoặc qua dịch vụ bưu chính. Hồ sơ bao gồm:

Đơn đề nghị đăng ký dự án theo Mẫu số 04A Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định này;

Tài liệu thiết kế dự án theo Mẫu số 04B Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định này;

Kế hoạch giám sát dự án theo Mẫu số 04C Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định này;

Kế hoạch thực hiện phát triển bền vững theo Mẫu số 04D Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định này;

Phương thức liên lạc theo Mẫu số 04Đ Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định này;

Bản sao các loại giấy phép liên quan đến hoạt động chuyên môn của dự án theo quy định pháp luật hiện hành;

b) Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi tiếp nhận hồ sơ thông báo cho cơ quan, tổ chức về tính hợp lệ của hồ sơ. Trường hợp hồ sơ không hợp lệ, tổ chức hoàn thiện hồ sơ trong thời hạn không quá 15 ngày kể từ ngày có thông báo. Thời gian hoàn thiện hồ sơ không tính vào thời hạn thực hiện thủ tục đăng ký, điều chỉnh dự án;

c) Trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi tiếp nhận hồ sơ đăng tải hồ sơ đề nghị đăng ký dự án trên trang thông tin điện tử của tỉnh để lấy ý kiến rộng rãi trong thời gian 30 ngày;

d) Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc lấy ý kiến rộng rãi, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi tiếp nhận hồ sơ tổng hợp ý kiến và thông báo

cho cơ quan, tổ chức nộp hồ sơ;

đ) Cơ quan, tổ chức hoàn thiện hồ sơ theo ý kiến tại thông báo và gửi đơn vị quy định tại khoản 2 Điều này để thực hiện thẩm định. Trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày nhận được thông báo, cơ quan, tổ chức gửi hồ sơ đề nghị đăng ký dự án đã hoàn thiện kèm báo cáo thẩm định tài liệu dự án theo Mẫu số 04E Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định này tới Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi tiếp nhận hồ sơ.

Đơn vị thẩm định quy định tại khoản 2 Điều này lựa chọn thực hiện thẩm định tài liệu dự án trước, trong hoặc sau thời hạn lấy ý kiến rộng rãi;

e) Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị đăng ký dự án đã hoàn thiện, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi tiếp nhận hồ sơ thông báo cho cơ quan, tổ chức đề xuất về tính hợp lệ của hồ sơ. Trường hợp hồ sơ không hợp lệ, cơ quan, tổ chức đề xuất hoàn thiện hồ sơ trong thời hạn không quá 05 ngày kể từ ngày có thông báo. Thời gian hoàn thiện hồ sơ không tính vào thời hạn thực hiện thủ tục đăng ký, điều chỉnh dự án;

g) Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi tiếp nhận hồ sơ gửi hồ sơ tới Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh của các khu vực thực hiện dự án (nếu có) và các cơ quan, tổ chức liên quan lấy ý kiến về việc phê duyệt đăng ký dự án. Cơ quan, tổ chức được lấy ý kiến có trách nhiệm trả lời bằng văn bản trong thời hạn tối đa 10 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ lấy ý kiến;

h) Trong thời hạn 07 ngày sau khi nhận được ý kiến của các cơ quan, tổ chức, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi tiếp nhận hồ sơ tổ chức đánh giá theo các nội dung: biện pháp giảm phát thải khí nhà kính, phương pháp tạo tín chỉ các-bon, các tham số giám sát hoạt động dự án; phê duyệt đăng ký dự án bằng quyết định theo Mẫu số 04G Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định này; gửi cho tổ chức, cá nhân đề nghị đăng ký và công bố trên Hệ thống đăng ký quốc gia; trường hợp không phê duyệt đăng ký phải nêu rõ lý do;

i) Cơ quan, tổ chức có nhu cầu điều chỉnh quy mô, công suất của dự án đã được đăng ký thực hiện theo trình tự đề nghị đăng ký dự án quy định tại khoản này”.

2. Sửa đổi, bổ sung khoản 7 như sau:

“7. Thay đổi thành phần tham gia dự án

a) Cơ quan, tổ chức là chủ đầu tư dự án đã được đăng ký gửi hồ sơ đề nghị thay đổi thành phần tham gia dự án tới Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt đăng ký dự án trong trường hợp dự án đăng ký trên địa bàn 01 đơn vị hành chính cấp tỉnh hoặc tới Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh của một trong các khu vực thực hiện dự án trong trường hợp dự án trên địa bàn 02 đơn vị hành chính cấp tỉnh trở lên theo một trong các hình thức: trực tiếp, trực tuyến hoặc qua dịch vụ bưu chính. Hồ sơ bao gồm:

Đơn đề nghị thay đổi thành phần tham gia dự án theo Mẫu số 05 Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định này;

Phương thức liên lạc bổ sung theo Mẫu số 04Đ Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định này;

b) Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được đơn đề nghị, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi tiếp nhận hồ sơ thực hiện thay đổi thành phần tham gia dự án theo đề nghị của cơ quan, tổ chức và công bố trên Hệ thống đăng ký quốc gia;

c) Tổ chức có trách nhiệm hoàn thành các nghĩa vụ đã cam kết chịu trách nhiệm với các bên liên quan theo quy định của pháp luật do quyết định điều chỉnh tham gia dự án.”.

3. Sửa đổi, bổ sung khoản 8 như sau:

“8. Hủy đăng ký dự án

a) Cơ quan, tổ chức là chủ đầu tư dự án đã được đăng ký gửi hồ sơ đề nghị tới Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt đăng ký dự án trong trường hợp dự án đăng ký trên 01 đơn vị hành chính cấp tỉnh hoặc tới Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh của một trong các khu vực thực hiện dự án trong trường hợp dự án trên địa bàn 02 đơn vị hành chính cấp tỉnh trở lên theo một trong các hình thức: trực tiếp, trực tuyến hoặc qua dịch vụ bưu chính. Hồ sơ bao gồm:

Đơn đề nghị hủy đăng ký dự án theo Mẫu số 06 Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định này;

Phương thức liên lạc theo Mẫu số 04Đ Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định này;

b) Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được đơn đề nghị, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi tiếp nhận hồ sơ thực hiện hủy đăng ký dự án theo đề nghị của tổ chức trên Hệ thống đăng ký quốc gia;

c) Tổ chức có trách nhiệm hoàn thành các nghĩa vụ đã cam kết và chịu trách nhiệm với các bên liên quan theo quy định của pháp luật do quyết định hủy đăng ký dự án.”.

4. Sửa đổi, bổ sung khoản 9 như sau:

“9. Cấp tín chỉ các-bon theo cơ chế trao đổi, bù trừ tín chỉ các-bon trong nước

a) Cơ quan, tổ chức là chủ đầu tư dự án đã được đăng ký gửi hồ sơ đề nghị cấp tín chỉ các-bon tới Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt đăng ký dự án trong trường hợp dự án đăng ký trên địa bàn 01 đơn vị hành chính cấp tỉnh hoặc tới Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh của một trong các khu vực thực hiện dự án trong trường hợp dự án trên địa bàn 02 đơn vị hành chính cấp tỉnh trở lên theo một trong các hình thức: trực tiếp, trực tuyến hoặc qua dịch vụ bưu chính. Hồ sơ gồm:

Đơn đề nghị cấp tín chỉ các-bon theo Mẫu số 07A Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định này;

Báo cáo giám sát dự án theo Mẫu số 07B Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định này;

Báo cáo thẩm định kết quả giảm nhẹ dự án theo Mẫu số 07C Phụ lục V ban

hành kèm theo Nghị định này do đơn vị thẩm định quy định tại khoản 2 Điều này thực hiện;

Báo cáo phát triển bền vững theo Mẫu số 04D Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định này;

b) Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi tiếp nhận hồ sơ thông báo cho tổ chức đề nghị về tính hợp lệ của hồ sơ. Trường hợp hồ sơ không hợp lệ, tổ chức đề nghị hoàn thiện hồ sơ trong thời hạn không quá 05 ngày kể từ ngày có thông báo.

Sau 15 ngày kể từ ngày có văn bản thông báo, trường hợp tổ chức không gửi hồ sơ đã được hoàn thiện theo văn bản thông báo thì phải thực hiện nộp lại hồ sơ như lần đầu;

c) Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi tiếp nhận hồ sơ gửi hồ sơ tới Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh của các khu vực thực hiện dự án (nếu có) và các cơ quan, tổ chức liên quan lấy ý kiến về việc cấp tín chỉ các-bon cho dự án. Cơ quan được lấy ý kiến có trách nhiệm trả lời bằng văn bản trong thời hạn tối đa 15 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ lấy ý kiến;

d) Trong thời hạn 15 ngày sau khi nhận được ý kiến của các cơ quan, tổ chức liên quan, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi tiếp nhận hồ sơ quyết định cấp tín chỉ các-bon thông báo cho tổ chức đề nghị và công bố trên Hệ thống đăng ký quốc gia; trường hợp không cấp tín chỉ các-bon phải nêu rõ lý do.”.

Điều 3. Thay thế một số mẫu tại Phụ lục V

1. Thay thế Mẫu số 01.
2. Thay thế Mẫu số 04A.
3. Thay thế Mẫu số 04G.
4. Thay thế Mẫu số 05.
5. Thay thế Mẫu số 06.
6. Thay thế Mẫu số 07A.

Điều 4. Điều khoản thi hành

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ... tháng ... năm 2026.
2. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố và cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này.

Điều 5. Điều khoản chuyển tiếp

1. Các hồ sơ đăng ký tài khoản trên Hệ thống đăng ký quốc gia theo quy định tại khoản 2 Điều 18; đăng ký dự án, thay đổi thành phần tham gia dự án, hủy đăng ký dự án, cấp tín chỉ các-bon theo cơ chế trao đổi, bù trừ tín chỉ các-bon trong nước quy định tại các khoản 6, khoản 7, khoản 8 và khoản 9 Điều 20 Nghị định số 06/2022/NĐ-

CP ngày 07 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định giảm nhẹ phát thải khí nhà kính và bảo vệ tầng ô-dôn được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 119/2025/NĐ-CP, Nghị định số 83/2026/NĐ-CP và Nghị định số 112/2026/NĐ-CP đã được Bộ Nông nghiệp và Môi trường tiếp nhận trước ngày 01 tháng 8 năm 2026 thì không phải nộp lại hồ sơ và được tiếp tục giải quyết theo quy định của Nghị định này.

Trường hợp hồ sơ gửi đến Bộ Nông nghiệp và Môi trường trước ngày 01 tháng 8 năm 2026 nhưng được yêu cầu bổ sung, hoàn thiện thì việc bổ sung, hoàn thiện thực hiện theo quy định của Nghị định số 06/2022/NĐ-CP ngày 07 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định giảm nhẹ phát thải khí nhà kính và bảo vệ tầng ô-dôn, được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 119/2025/NĐ-CP, Nghị định số 83/2026/NĐ-CP và Nghị định số 112/2026/NĐ-CP; trình tự, thủ tục giải quyết tiếp theo được thực hiện theo quy định của Nghị định này.

Trình tự thực hiện các thủ tục: đăng ký, điều chỉnh, hủy đăng ký dự án các-bon rừng; cấp tín chỉ các-bon rừng theo cơ chế trao đổi bù trừ các bon trong nước áp dụng theo quy định tại Nghị định số 180/2026/NĐ-CP ngày 21 tháng 5 năm 2026 của Chính phủ quy định về dịch vụ hấp thụ và lưu giữ các-bon của rừng.

2. Bộ Nông nghiệp và Môi trường hướng dẫn Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện thủ tục hành chính này; thực hiện việc bàn giao hồ sơ Bộ đã tiếp nhận và xử lý trước ngày 01 tháng 8 năm 2026 cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các tổ chức chính trị - xã hội;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Cổng TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: VT, NN (2).

TM. CHÍNH PHỦ
KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG

Hồ Quốc Dũng